



XỬ LÝ CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÂU Á: IMF VÀ HÀN QUỐC

Nguồn: Corning, Gregory (2000). *Managing the Asian Meltdown: The IMF and South Korea*. Institute for the Study of Diplomacy School of Foreign Service, Georgetown University, Pew Case Study, 1.

Biên dịch: Lê Thị Mỹ Hương, Châu Ngọc Huyền, Trương Thị Thanh Hiền, Đặng Trang Ngọc Khánh, Lê Hoàng Ngọc Yến, Đỗ Hoài Thương | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Cuộc chiến tranh Triều Tiên kết thúc vào năm 1953 đã gây nhiều thiệt hại cho Hàn Quốc. Hơn ¼ dân số quốc gia gồm 20 triệu người đã trở thành những người tị nạn vô gia cư và vô tài sản. Việc phục hồi sau chiến tranh đặc biệt khó khăn do sự phân chia bán đảo Triều Tiên với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên nắm giữ hầu hết nguồn tài nguyên thiên nhiên và những cơ sở hạ tầng về công nghiệp. Tuy nhiên, hơn 40 năm qua, Hàn Quốc đã phát triển với tỉ lệ tăng trưởng ngoạn mục khi theo đuổi một chính sách phát triển năng động có sự can thiệp của chính phủ. Là một trong bốn con hổ châu Á, Hàn Quốc trở thành một nhà sản xuất tàu, ô tô, hệ thống chip điện tử lớn. Vào giữa những năm 1980, các tập đoàn Hàn Quốc như Hyundai, Samsung, Lucky- Goldstar đã bắt đầu tiến hành những đợt lấn chiếm sâu vào thị trường Mỹ. Tổng sản phẩm quốc gia của Hàn Quốc tăng lên với một tỉ lệ đáng kinh ngạc, đạt 11,6% vào năm 1986 và 12,5% vào năm 1987, cả hai năm đều giữ kỉ lục toàn cầu. Hàn Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn thứ 7 của Mỹ và nhanh chóng trở thành nền kinh tế lớn thứ 11 thế giới. Nhưng chỉ một thập kỉ sau đó, Hàn Quốc rơi vào tình trạng khủng hoảng tài chính hết sức tồi tệ.

Vào ngày 3/12/1997, Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF đã chấp nhận bỏ ra 57 tỉ đô la giúp Hàn Quốc thoát khỏi cơn khủng hoảng. Đây là khoản tiền lớn nhất trong số các khoản tiền mà IMF đã từng giúp đỡ các nước. Các điều kiện trong gói giải cứu của IMF khiến Hàn Quốc phải tiến hành những cải cách đầy đau đớn và làm cho nền kinh tế Hàn Quốc bị thu hẹp đáng kể. Đến tháng 4/1998, tỉ lệ thất nghiệp của Hàn Quốc tăng lên 8.5%, hơn năm

trước đó 2.5%. Điều này có nghĩa là khoảng 10.000 công nhân đang bị mất việc mỗi ngày. Tỷ lệ phá sản ở các doanh nghiệp nhỏ tăng lên đến mức kỷ lục, ít nhất mỗi ngày có một chủ doanh nghiệp nhỏ đã phải tự tử. Cuộc khủng hoảng mang lại cho những người Hàn Quốc một ý thức mạnh mẽ về chủ nghĩa dân tộc, họ hạn chế nhập khẩu hàng hóa và ra sức phê phán sự can thiệp của IMF vào nền kinh tế quốc gia. Khi tình trạng sa thải công nhân tăng lên, liên minh các nghiệp đoàn Hàn Quốc đã xuống đường biểu tình với những băng khẩu hiệu như “IMF= I Am Fired”. Các tập đoàn lớn như Samsung và Daewoo yêu cầu nhân viên của mình bán những món đồ trang sức của họ để giúp đất nước tăng ngoại tệ và thanh toán hết nợ. Trong khi đó, những chiếc xe hơi được nhập khẩu vào Hàn Quốc và những người sở hữu chúng đã trở thành mục tiêu cho những nhóm nổi loạn. Hàn Quốc đã bị tuột dốc từ nền kinh tế lớn thứ 11 xuống thứ 17 thế giới chỉ trong vòng vài tuần. Vậy điều này đã xảy ra như thế nào? Tự bản thân Hàn Quốc phải chịu trách nhiệm hay chỉ đơn giản rằng quốc gia này là nạn nhân của một cú sốc kinh tế bên ngoài? Phản ứng phù hợp đối với cuộc khủng hoảng này là gì? Và những quốc gia khác có trách nhiệm hay lợi ích tự thân gì không trong việc giúp phục hồi nền kinh tế của Hàn Quốc?

1. Hàn Quốc và “điều thần kỳ kinh tế Châu Á”

Từ năm 1965 đến năm 1990, Đông Á đã phát triển nhanh hơn Mỹ Latinh gấp 3 lần và gấp 25 lần so với khu vực Châu Phi hạ Sahara. Nguyên nhân chính của thành tựu này là sự tăng trưởng của tám nền kinh tế trong khu vực, bao gồm Nhật Bản; Bốn con hổ châu Á gồm Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan; và những nước công nghiệp mới (NICs) ở Đông Nam Á như Indonexia, Malaysia và Thái Lan. Nền kinh tế Nhật Bản là nền kinh tế đầu tiên cất cánh vào những năm 1950, tiếp theo đó là Bốn con hổ châu Á vào những năm 1960 và các nước công nghiệp mới Đông Nam Á vào những năm 1970. Mặc dù sự tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản đã chậm lại sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973, nhưng các nền kinh tế khác của khu vực vẫn tiếp tục bùng nổ vào giữa những năm 1990 với tỷ lệ lạm phát thấp và mức tăng trưởng bình quân hàng năm đạt gần 10% tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Những nền kinh tế này đã thành công ở những mức độ khác nhau trong việc tạo ra những môi trường kinh doanh thuận lợi, thông qua những chính sách nhấn mạnh sự ổn định nền kinh tế vĩ mô và các cấu trúc tài chính và pháp lý khuyến khích đầu tư tư nhân. Họ cũng đã hỗ trợ sự tích lũy tư bản và vốn con người thông qua đầu tư vào giáo dục và những chính sách khuyến khích tiết kiệm. Một số quốc gia trong số này cũng đã hướng sự phát triển kinh tế theo mô hình có sự can thiệp của chính phủ. Các nhà quản lý kinh tế cố gắng định hình các mô hình đầu tư và sản xuất để giúp những công ty quốc gia có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Mặc dù vẫn còn những bất đồng về tác động của những tác nhân giải thích cho sự tăng trưởng này, nhưng cũng có những sự đồng thuận rõ ràng rằng những quốc gia này đã tạo nên sự tiến bộ tuyệt vời, vượt trội trong một khoảng thời gian

ngắn. Có thể nói rằng, không nơi nào có sự tăng trưởng kinh tế thời kì hậu chiến tranh gây ấn tượng hơn Hàn Quốc.

Sự trỗi dậy của Hàn Quốc

Hàn Quốc là một nạn nhân của cả chủ nghĩa đế quốc và cuộc Chiến tranh lạnh. Từ năm 1910 đến năm 1945, Triều Tiên là thuộc địa của Nhật. Mặc dù quá trình thực dân hóa đã mang lại không ít sự phát triển về cơ sở hạ tầng cho công nghiệp và nông nghiệp nhưng nó cũng gây nên sự đàn áp nặng nề về ngôn ngữ bản xứ, tôn giáo, lịch sử và văn hóa. Thất bại trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã kết thúc sự chiếm đóng của Nhật Bản ở Triều Tiên. Tuy nhiên, bán đảo đã bị phân chia giữa những nhà lãnh đạo ủng hộ chủ nghĩa cộng sản ở phía Bắc và những nhà lãnh đạo được Mỹ ủng hộ ở phía Nam. Cuối cùng, những căng thẳng giữa hai phe đã khơi mào cho một cuộc nội chiến khi 90.000 người thuộc quân đội nhân dân Bắc Triều Tiên, được trang bị hầu hết vũ khí từ Liên Xô, đã tấn công vào phía Nam vào ngày 25/6/1950. Tháng 6/1950, quân đội của Liên Hiệp Quốc dưới sự chỉ huy của đại tướng Douglas MacArthur đã tham gia vào cuộc chiến tranh - ủng hộ Nam Triều Tiên vào tháng 6/1950, và 5 tháng sau đó, Trung Quốc cũng tham chiến bên phía Bắc Triều Tiên. Sau 3 năm, cuộc xung đột đi đến bế tắc, hiệp định đình chiến được kí kết vào ngày 27/7/1953, chính thức hóa sự phân chia giữa Hàn Quốc và CHDCND Triều Tiên. Tuy có nền văn hóa và lịch sử chung nhưng hai bên từ đó đến nay vẫn duy trì hiệp định đình chiến một cách khó khăn.

Hàn Quốc đã không phát triển nhanh ngay trong những năm ngay sau cuộc chiến tranh Triều Tiên. Gần như một thập kỉ đã bị đánh mất dưới sự lãnh đạo của Syngman Rhee - một người hùng trong phong trào độc lập kháng Nhật- người đã duy trì quyền lực thông qua một hệ thống độc tài sống bằng việc thao túng viện trợ của Mỹ. Sự tăng trưởng ấn tượng của nền kinh tế Hàn Quốc hiện đại chỉ xuất hiện sau khi Park Chung Hee lên cầm quyền thông qua một cuộc đảo chính vào năm 1961. Phải đối mặt với sự suy giảm nguồn viện trợ của Mỹ và nhu cầu thiết lập địa vị lãnh đạo hợp pháp trong nước, Park đã tập trung vào phát triển nền kinh tế.

Park đã thực hiện một chính sách kinh tế tập trung cao độ mang dấu ấn cá nhân. Đầu tiên, ông đã kiểm soát quyền tiếp cận tín dụng bằng cách quốc hữu hóa tất cả các ngân hàng. Luôn thận trọng trước những ảnh hưởng của nước ngoài, chính phủ đã luôn dựa vào các khoản vay hơn là mở cửa thu hút các khoản đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thứ hai, ông đã tập trung hóa việc lên kế hoạch, ngân sách và giám sát các chính sách kinh tế thông qua một bộ máy quan liêu chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp cho Park. Thứ ba, ông tăng cường sự liên kết giữa giới quân sự và một nhóm nhỏ những doanh nghiệp thành công, dùng đó làm phương tiện để thúc đẩy phát triển kinh tế đồng thời củng cố quyền lực. Park đã sử dụng các tập đoàn gia đình lớn, gọi là các chaebol, làm công cụ chính thức đẩy tăng trưởng. Chính vì nhà nước kiểm soát tiếp cận đối với tín dụng, các chaebol này nhanh chóng thống trị nền

kinh tế. Trong suốt những năm 1970, các chaebol đã mở rộng và xâm nhập vào các ngành công nghiệp quan trọng. Từ năm 1972 đến năm 1979, trung bình số công ty được sở hữu bởi 10 chaebol lớn nhất tăng từ 7,5 lên 25,4. Trong khi đó, trung bình số ngành công nghiệp mà họ tham gia kinh doanh tăng từ 7,7 lên 17,6. Sự mở rộng của các chaebol được cung cấp tài chính thông qua các khoản vay quy mô lớn do nhà nước bảo lãnh. Thật vậy, hầu hết các chaebol đều vay mượn vượt quá giá trị tài sản chủ sở hữu. Mặc dù tỉ lệ nợ so với tài sản ở mức 2:3 không phải hiếm ở các công ty phương Tây thì trong suốt những năm 1970, tỉ lệ lên tới 4:1 cũng rất phổ biến đối với các chaebol.

Park bị ám sát vào năm 1979. Hai tháng sau, Chun Doo Hwan lên cầm quyền trong một cuộc đảo chính quân sự khác. Ban đầu, chính phủ của Chun phải đối mặt với những vấn đề kinh tế hết sức nghiêm trọng. Những khoản nợ từ chương trình công nghiệp nặng hóa của Park vào những năm 1970, sự suy thoái từ sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ 1979, và mùa màng thất bát đã khiến kinh tế suy thoái mạnh. Tổng sản phẩm quốc gia (GNP) giảm 5,2% vào năm 1980, nhưng với sự giúp đỡ của một chương trình thất lưng buộc bụng do IMF bảo trợ, nền kinh tế đã nhanh chóng lấy lại sự ổn định. Để tài trợ cho sự tăng trưởng và điều chỉnh nền kinh tế, Hàn Quốc đã vay mượn rất nhiều từ thị trường vốn quốc tế, trở thành nước mắc nợ nhiều thứ tư trong số các nước đang phát triển. Tuy nhiên, các ngân hàng nước ngoài đã không hề e ngại vì thành tích xuất khẩu của Hàn Quốc liên tục được cải thiện. Sự tăng giá của đồng Yên Nhật theo sau hiệp ước Plaza được kí kết vào năm 1985 đã giúp hạ giá các hàng xuất khẩu của Hàn Quốc so với hàng hóa của Nhật Bản. Điều này đã khởi đầu cho thời kỳ bùng nổ xuất khẩu của các chaebol khi TV và đầu VCR được sản xuất bởi Daewoo và Lucky Goldstar bắt đầu xuất hiện ở các gian hàng của Mỹ, và các loại xe ô tô của Hyundai bắt đầu cạnh tranh với những mẫu xe hạng thấp của Toyota và Nissan. Một thập kỉ trước, các khách hàng Mỹ không biết đến hàng hóa Hàn Quốc, thì nay các thương hiệu của Hàn Quốc đã ngày càng trở nên quen thuộc với người Mỹ. Việc chọn Seoul làm chủ nhà của Olympic mùa hè năm 1988 biểu tượng cho việc thừa nhận sự nổi lên của Hàn Quốc với tư cách là một quốc gia công nghiệp tiên tiến.

Sự phát triển của Hàn Quốc trở thành một quốc gia chế tạo lớn đã làm tăng sức ép từ nước ngoài lẫn trong nước đối với việc mở rộng tự do kinh tế. Đối mặt với khối lượng xuất khẩu ngày càng tăng của Hàn Quốc, các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ, đã ép Hàn Quốc tăng cường nhập khẩu và mở cửa cho đầu tư nước ngoài. Trong một nỗ lực nhằm nắm quyền kiểm soát các chaebol, chính quyền Chun đã tư hữu hóa hệ thống ngân hàng, giảm việc “cho vay theo chính sách” đối với các khu vực chiến lược, buộc các chaebol phải tái cơ cấu, tập trung vào các lĩnh vực kinh doanh chủ chốt. Tuy nhiên, việc tự do nền kinh tế tiến triển chậm chạp, một phần vì quá nhiều thời gian và sức lực được dành cho việc tự do hóa chính trị.

Sau khi chính quyền Chun bước khỏi vũ đài chính trị vào năm 1988, các chính quyền dân sự của Roh Tae Woo (1988 – 93) và Kim Young Sam (1993 – 98) đã theo dõi từng bước

sự mở cửa hệ thống chính trị với kết quả cuối cùng là việc bầu nhà hoạt động dân chủ lâu năm Kim Dae Jung làm tổng thống vào tháng 12/1997. Thập kỷ này được ghi dấu bởi những nỗ lực khó khăn trong việc chấp nhận những sự vi phạm nhân quyền của các chế độ Park và Chun, cũng như những nỗ lực không thành nhằm tước bỏ các chaebol và các nghiệp đoàn những đặc quyền từ thời kỳ công nghiệp hóa của Park. Các chaebol chủ chốt đã trở nên quá lớn đến mức các ngân hàng ít khi dám từ chối tín dụng cho các chaebol này. Đối với các chaebol, càng nhiều tài sản đồng nghĩa với càng nhiều tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng vốn được sử dụng để mua thêm thậm chí nhiều tài sản hơn nữa. Một vài chaebol quá lớn và tuyên dụng quá nhiều người khiến chính quyền dường như không dám để chúng sụp đổ. Chính môi trường mở rộng không được kiểm soát này có lợi cho các công nhân, những người trở nên quen thuộc với những bảo đảm có việc làm suốt đời.

2. Từ điều thần kỳ đến khủng hoảng

Nền kinh tế Hàn Quốc vào giữa thập niên 1990

Thậm chí trước khi nổi hoang mang bắt đầu quét qua Châu Á vào tháng 7/1997, nền kinh tế Hàn Quốc đã bắt đầu gặp phải một số vấn đề. Đầu tiên là sự phá sản vào tháng 1/1997 của tập đoàn Hanbo, chaebol lớn thứ mười bốn của Hàn Quốc. Tại thời điểm giá thép giảm và sản xuất dư thừa tại Hàn Quốc, số nợ của công ty sản xuất thép của Hanbo đã lên đến 4,39 tỉ đô la Mỹ - gấp 22 lần giá trị tài sản của công ty này - khoản tiền vốn được vay để xây dựng một nhà máy thép mới. Việc phá sản của công ty thép Hanbo đã dẫn tới sự sụp đổ của bốn nhóm công ty khác và có nguy cơ khiến Korea First, một trong những ngân hàng lớn nhất của quốc gia, sụp đổ. Các công tố viên đã truy tố hơn mười người, bao gồm bốn thành viên quốc hội và các lãnh đạo của tập đoàn Hanbo và Korea First, về tội tham nhũng và các cáo buộc khác liên quan đến sự sụp đổ của các chaebol. Trước sự tức giận của giới truyền thông cùng sự giám sát gắt gao của chính phủ, thêm tám trong số ba mươi chaebol dẫn đầu của Hàn Quốc đã phá sản, bao gồm cả Kia Motors.

Sự sụp đổ của nhiều chaebol trong một khoảng thời gian ngắn như vậy cho thấy một vấn đề thứ hai sâu sắc hơn trong hệ thống tài chính của Hàn Quốc. Từ kỷ nguyên của Park với việc cho vay theo chính sách bởi các ngân hàng quốc doanh, khu vực tài chính đã hoạt động dựa trên cơ sở một hệ thống thân quen gọi là “cho vay kết nối” chứ không dựa vào các phán xét độc lập về rủi ro tín dụng và dòng tiền dự kiến của người vay. Trong nhiều thập kỷ, các tổ chức tài chính phương Tây đã mong muốn kiếm được lợi nhuận nhất định bằng cách cho các ngân hàng Hàn Quốc vay để giúp đỡ cho sự bùng nổ kinh tế ở đất nước này. Đến lượt mình, các ngân hàng Hàn Quốc hăm hở cho các chaebol đối vốn vay để tập trung vào việc mở rộng các ngành kinh doanh mới. Việc các ngân hàng chấp nhận cho các chaebol duy trì một tỉ lệ nợ so với tài sản cao như vậy dẫn đến sự tích tụ các khoản nợ nước ngoài đáng kể ở Hàn Quốc. Đến cuối năm 1996, tổng nợ nước ngoài của Hàn Quốc xấp xỉ 180 tỉ USD,

trong đó 130 tỉ USD đến hạn phải trả trong vòng một năm. Mặc dù đáng kể, số tiền này không quá lớn theo tiêu chuẩn toàn cầu để khiến thị trường tài chính quốc tế phải lo lắng. Tuy nhiên, hàng loạt các chaebol phá sản trong năm 1997 đồng nghĩa với việc một tỉ lệ gia tăng trong số nợ đó sẽ trở thành những khoản nợ xấu, khó có khả năng được hoàn trả.

Diễn biến thứ ba báo hiệu những vấn đề tương lai là thâm hụt tài khoản vãng lai của Hàn Quốc gia tăng. Tài khoản vãng lai dùng để đánh giá tác động của cách các giao dịch quốc tế đến thu nhập hiện tại, có thể được xem như tài khoản thanh toán của một quốc gia. Nó gồm 4 phần chính: (1) xuất nhập khẩu hàng hóa, (2) xuất nhập khẩu dịch vụ, (3) đầu tư và các khoản thanh toán thu nhập, và (4) xuất nhập khẩu của chính phủ và viện trợ nước ngoài. Nguyên nhân sâu xa của sự tăng thâm hụt cán cân vãng lai ở Hàn Quốc là do xuất khẩu tăng chậm lại. Năm 1995, xuất khẩu Hàn Quốc tăng 30%, trong khi vào năm 1996 chỉ tăng 4%. Sự giảm sút này bắt nguồn từ một số yếu tố bên ngoài bao gồm việc giảm giá đồng Yên, một chu kỳ dư thừa trong nền công nghiệp điện tử toàn cầu, và sự cạnh tranh gia tăng của hàng xuất khẩu đến từ Trung Quốc vốn có chi phí nhân công thấp hơn.

Nói tóm lại, sự sụp đổ của tập đoàn Hanbo đã làm tăng sự lo lắng về tình hình của một vài chaebol và sự phụ thuộc vào các “khoản vay kết nối” trong hệ thống tài chính Hàn Quốc. Thêm vào những sức ép này là sự suy thoái của khu vực xuất khẩu. Tuy nhiên, dường như chính phủ Hàn Quốc lẫn các nhà đầu tư quốc tế đều không hề nghi ngờ về các yếu tố cơ bản của mô hình kinh tế Hàn Quốc. Đến tháng 6/1997, thị trường chứng khoán Hàn Quốc đang trên đà ổn định, tỷ giá hối đoái Won – Đô la tương đối bình ổn, và vốn quốc tế tiếp tục chảy vào Hàn Quốc. Tuy nhiên, tình trạng này thay đổi đáng kể trong vài tháng tiếp theo khi một cuộc khủng hoảng tài chính bắt đầu từ Thái Lan lan rộng ra khắp Châu Á.

Căn bệnh truyền nhiễm Châu Á

Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á bắt đầu từ Thái Lan vào mùa hè năm 1997. Xét trên nhiều tiêu chí, tình hình Thái Lan tương đối tốt. Kinh tế tăng trưởng gần 10% mỗi năm trong một thập kỷ, lạm phát thấp và ngân sách thặng dư. Tuy nhiên, mức tăng trưởng ấn tượng cùng với những quy định kế toán lỏng lẻo đã nguy trang cho những món nợ nước ngoài ngày càng phình to. Mong muốn tận dụng các cơ hội tăng trưởng ở Thái Lan, các nhà đầu tư nước ngoài thi nhau bơm tiền vào nước này. Tuy nhiên, theo thời gian, các quỹ này ngày càng dồn vào các khoản đầu tư mang tính đầu cơ trong những lĩnh vực như bất động sản. Tới năm 1997, các ngân hàng Thái Lan đã nắm giữ 15 tỉ đô la những khoản nợ xấu của các nhà đầu tư bất động sản. Việc giảm tốc độ xuất khẩu suốt năm 1997 đã làm suy yếu khả năng của các doanh nghiệp Thái Lan trong việc trả nợ. Sự lo ngại ngày càng tăng về khả năng những doanh nghiệp này tuyên bố vỡ nợ làm tăng nguy cơ đồng Baht bị mất giá. Nhưng chính quyền Thái Lan lo sợ rằng việc đồng Baht mất giá nhiều hơn sẽ làm tăng chi phí vay nước ngoài và làm gia tăng gánh nặng nợ nần của những công ty đã vay bằng ngoại tệ. Trong một

nỗ lực tuyệt vọng nhằm nâng giá đồng nội tệ, chính phủ Thái Lan đã rút hết những khoản dự trữ ngoại tệ của mình để mua vào đồng Baht trên thị trường tiền tệ quốc tế. Khi việc này thất bại, Ngân hàng trung ương Thái Lan không còn lựa chọn nào nữa và đồng Baht mất giá thê thảm hơn 40% trong vòng một tháng.

Trong vài ngày, đồng ringgit của Malaysia cũng phải chịu sức ép. Cũng như Thái Lan, Malaysia đã chứng kiến sự bùng nổ đầu cơ đi kèm với những món nợ lớn. Tuy nhiên hệ thống ngân hàng của nước này được quản lý tốt hơn và Malaysia dựa vào vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều hơn so với các khoản vay, giúp cho nền kinh tế ít bị tổn thương hơn trước các đợt rút vốn ồ ạt. Đổ lỗi cuộc khủng hoảng là do “các nhà đầu cơ bất hảo” và “những nhà tài phiệt Do Thái”, chính phủ có tư tưởng chủ nghĩa dân tộc cao độ của thủ tướng Mahathir Mohammed đã từ chối tìm kiếm sự giúp đỡ từ IMF. Khi Malaysia nỗ lực hết sức để bảo vệ đồng ringgit, đồng rupiah của Indonesia cũng bị tấn công mạnh mẽ. Sau một cố gắng tuyệt vọng để nâng giá đồng rupiah, Ngân hàng Indonesia cuối cùng đã phải thả nổi đồng nội tệ vào giữa tháng Tám. Trong vòng hai tháng tiếp theo, giá trị của đồng rupiah giảm hơn 30%, buộc Indonesia phải tìm đến IMF để được giúp đỡ vào tháng 10. Ba quốc gia Đông Nam Á đã sụp đổ như những con cờ domino chỉ trong vòng 3 tháng.

Con bão khủng hoảng Châu Á di chuyển lên phía Bắc khi thị trường tài chính bắt đầu theo dõi Hồng Kông một cách chặt chẽ hơn. Trên nhiều phương diện, nền kinh tế Hồng Kông đang trong tình trạng tốt hơn các quốc gia Đông Nam Á. Nhưng khi Hồng Kông tăng lãi suất để bảo vệ đồng tiền của mình trước nguy cơ tấn công tiền tệ, các nhà đầu tư lại lo sợ về khả năng phá giá đồng tiền, và thị trường chứng khoán đã sụp đổ. Sự lao dốc ngày 23/10 của thị trường chứng khoán Hồng Kông đã xóa sạch 29,3 tỉ đô la khỏi giá trị các cổ phiếu, gây nên những cú sốc trên thị trường quốc tế. Bốn ngày sau đó, chỉ số Dow Jones Industrial Average giảm 554 điểm, và tại thời điểm đó, đây là số điểm bị mất lớn nhất chỉ trong một ngày.

Bên cạnh tác động trực tiếp lên thị trường chứng khoán trên toàn thế giới, cuộc khủng hoảng tiền tệ Châu Á còn làm nổi lên một số mối quan ngại về an ninh và kinh tế rộng lớn hơn. Trước tiên, các ngân hàng Mỹ, Châu Âu, và Nhật Bản phải đối mặt với viễn cảnh các khoản nợ xấu trị giá hàng chục tỷ đô la của các chaebol Hàn Quốc. Nguy cơ vỡ nợ gây lo ngại nhiều nhất cho các ngân hàng Nhật Bản, vốn là chủ nợ lớn của khu vực. Nhật Bản vẫn đang phải cố gắng đối phó với cuộc khủng hoảng trong hệ thống ngân hàng yếu ớt của mình xảy ra sau sự sụp đổ của nền kinh tế bong bóng vào năm 1989. Thứ hai, cuộc khủng hoảng châu Á còn tác động tới hệ thống thương mại; các thị trường xuất khẩu của các công ty Mỹ và Châu Âu ở Đông Á có thể thu hẹp trong khi việc đồng won bị phá giá và những nỗ lực tuyệt vọng của các chaebol nhằm tăng doanh số bán hàng có thể dẫn đến việc giá xuất khẩu các mặt hàng của Hàn Quốc giảm mạnh. Cuối cùng, xuất hiện những mối lo ngại cho rằng cuộc khủng hoảng tiền tệ có thể làm suy yếu nền dân chủ non trẻ của Hàn

Quốc và Đài Loan, làm phức tạp thêm sự chuyển tiếp quyền lãnh đạo ở Indonesia, và dẫn đến những căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên vốn có thể gây bất ổn cho toàn khu vực.

Khủng hoảng đổ bộ vào Hàn Quốc

Khi cuộc khủng hoảng Châu Á lan rộng lên phía Bắc, các nhà đầu tư lo sợ bắt đầu theo dõi Hàn Quốc một cách sát sao. Hệ thống tài chính yếu kém của Hàn Quốc, các khoản nợ khổng lồ của các ngân hàng Hàn Quốc và các chaebol, và thâm hụt tài khoản vãng lai ngày càng xấu đi của Hàn Quốc bây giờ được coi là tồi tệ hơn nhiều so với một vài ngày ngắn ngủi trước đó. Các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu rút khỏi thị trường chứng khoán Hàn Quốc càng nhanh càng tốt. Sự tháo chạy ồ ạt của các nguồn vốn đã đẩy đồng won Hàn Quốc xuống thấp kỷ lục mỗi ngày; tình trạng rơi tự do của đồng won chỉ được kìm hãm nhờ sự hạn chế lưu chuyển đồng tiền hàng ngày. Ngân hàng trung ương Hàn Quốc đã can thiệp sâu vào thị trường tiền tệ bằng cách mua đồng won để nâng giá trị của đồng tiền. Nhưng nỗ lực này chỉ mang lại kết quả rất khiêm tốn và làm cạn kiệt nguồn dự trữ ngoại tệ của nhà nước. Khi đồng won tiếp tục xuống dốc, Hàn Quốc nhận thấy rằng họ cần có sự giúp đỡ về mặt tài chính. Đầu tiên, họ tìm đến các nguồn vốn của Nhật Bản và Mỹ. Tuy nhiên, cả hai nước này đều không sẵn lòng giúp đỡ nếu Hàn Quốc không nhờ đến IMF trước tiên.

Hàn Quốc muốn tránh IMF vì hai bên nhận thức khác nhau về nguồn gốc của cuộc khủng hoảng. Hàn Quốc chỉ đơn giản cho rằng họ là nạn nhân của cuộc khủng hoảng châu Á. Các nhà đầu tư bắt đầu lo sợ về Hàn Quốc bởi các nền kinh tế khác trong khu vực đang lâm vào khó khăn. Khi các nhà đầu tư bắt đầu rút khỏi Hàn Quốc, đồng won cũng bắt đầu mất giá. Vì biết rằng họ sẽ chịu nhiều thiệt hại nếu tiếp tục ở lại nên nhiều nhà đầu tư đã rút khỏi thị trường Hàn Quốc. Vì vậy, khủng hoảng đến từ nhận thức của nhà đầu tư hơn là từ bất cứ điều gì khác. Theo nhận định của IMF, cuộc khủng hoảng Châu Á có nguyên nhân kết hợp từ sự mất cân bằng trong nền kinh tế vĩ mô và những vấn đề cấu trúc nền tảng, trong đó có sự yếu kém bám rễ sâu trong các thể chế tài chính và việc thiếu giám sát hệ thống ngân hàng. Seoul cũng biết rằng sự giúp đỡ của IMF sẽ kèm những điều kiện về việc tái cơ cấu ngành ngân hàng và các công ty. Điều đó sẽ phá hủy mô hình phát triển của Hàn Quốc.

Vào giữa tháng 11/1997, Giám đốc Điều hành của IMF, Michel Camdessus và nhà đàm phán phụ trách Châu Á, Hubert Neiss, đã đến Hàn Quốc và bắt đầu những cuộc thương lượng bí mật với chính phủ Hàn Quốc. Sợ rằng tin tức về các cuộc thương lượng có thể bị tiết lộ và kích động sự lo lắng trên thị trường tài chính thế giới, họ đã nhận phòng bằng hai cái tên Hàn Quốc trong một khách sạn ở ngoại ô thành phố Seoul và dùng bữa ngay trong phòng. Vào ngày 21/11, Hàn Quốc đã đề nghị IMF giúp đỡ 20 tỷ USD. Trong vòng một tuần, Seoul đã tăng đề nghị của họ lên trên 50 tỷ USD. Nhưng đất nước này vẫn miễn cưỡng trong việc chấp nhận các điều kiện mà IMF đề ra. Khi Camdessus quay trở lại Hàn Quốc vào đầu tháng 12, Thứ trưởng Bộ Tài chính đã ra đón ở sân bay và trao cho ông lịch làm việc trong ngày. Chương trình làm việc gồm có 45 phút đàm phán, một cuộc gặp ngắn với Tổng

thống và sau đó là lễ ký kết. Để chống lại những nỗ lực của Hàn Quốc trong việc lên chương trình làm việc, Camdessus đã nhanh chóng yêu cầu đàm phán thêm. Tin tức về sự thất bại của những cuộc thương lượng đã đẩy thị trường xuống thấp hơn nữa. Bị dồn vào chân tường, chính phủ Hàn Quốc đã không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận những điều kiện của IMF.

3. Xử lý cuộc khủng hoảng

Gói cứu trợ của IMF

Chi tiết về khoản cho vay lên tới 57 tỷ USD của IMF đã được công bố vào ngày 3/12/1997. Các bên cam kết đóng góp số tiền như sau: IMF (21 tỷ USD), Ngân hàng Thế giới (10 tỷ USD), Ngân hàng Phát triển Châu Á (4 tỷ USD), Nhật Bản (10 tỷ USD), Mỹ (5 tỷ USD), Anh, Pháp, Đức và Italy (mỗi nước 1,25 tỷ USD). IMF sẽ cung cấp khoản giải ngân ban đầu của gói cứu trợ, trong khi các cam kết của Mỹ và các nước khác sẽ là phụ trợ và được giải ngân khi cần thiết. Gói cứu trợ này không phải nhằm thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Hàn Quốc. Mục đích của nó là để khôi phục lại nguồn dự trữ ngoại tệ của Hàn Quốc nhằm củng cố lòng tin của các chủ nợ, như các ngân hàng của Nhật Bản và các công ty quỹ của Mỹ. Từ đó, họ sẽ giãn nợ đối với các khoản vay ngắn hạn của Hàn Quốc.

Khoản giải ngân ban đầu từ gói cứu trợ đi kèm điều kiện là Hàn Quốc phải thực hiện chính sách kinh tế vĩ mô thắt chặt như tăng thuế, tăng lãi suất và giảm chi tiêu của chính phủ. Sự kết hợp giữa thuế cao và giảm chi tiêu là nhằm giảm thâm hụt tài khoản vãng lai và để dành tiền phục vụ việc tái cơ cấu nền kinh tế. Tỷ lệ lãi suất cao là nhằm khôi phục lòng tin vào đồng won Hàn Quốc bằng cách làm cho nó hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, tỷ lệ lãi suất cao lại có nhược điểm là làm cho tình trạng yếu kém của các chaebol và các ngân hàng thêm tồi tệ bởi vì nó làm tăng chi phí của các khoản vay. IMF cũng yêu cầu cải cách cơ cấu, bao gồm yêu cầu Hàn Quốc phải: (1) cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tự do hơn trong việc mua cổ phần và nắm tỉ lệ chi phối trong các công ty Hàn Quốc; (2) mở cửa hơn nữa thị trường tài chính nội địa cho các ngân hàng và các công ty bảo hiểm nước ngoài; (3) yêu cầu các ngân hàng cho vay phải áp dụng các tiêu chuẩn định giá tín dụng của phương Tây, không được theo mệnh lệnh của chính phủ; (4) đóng cửa các ngân hàng vỡ nợ; (5) cải cách bộ luật lao động nhằm làm cho việc sa thải công nhân dễ dàng hơn và làm cho thị trường lao động thông thoáng hơn; và (6) mở cửa thị trường nội địa cho hàng nhập khẩu bằng cách phá bỏ các rào cản và giảm thuế.

Các cuộc cải tổ này đã dẫn đến một sự biến đổi căn bản trong mô hình nền kinh tế Hàn Quốc. Mặc dù, IMF không đề cập đến tương lai của các chaebol, nhưng các cuộc cải tổ được đưa ra nhằm chấm dứt hệ thống cho vay quá mức theo mệnh lệnh của chính phủ của các ngân hàng và vị trí độc tôn của chaebol trong nền kinh tế. Bằng cách yêu cầu các ngân hàng áp dụng các tiêu chuẩn định giá tín dụng của phương Tây, các cuộc cải tổ còn hạn chế

các khoản vay cho việc mở rộng của các chaebol. Chúng cũng chấm dứt thông lệ là các công ty mạnh trong một chaebol vay dùm cho các thành viên yếu hơn trong cùng chaebol. Trong khi việc mở cửa lĩnh vực tài chính cho các ngân hàng và các công ty bảo hiểm nước ngoài là để đẩy nhanh việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào hệ thống tài chính thì việc phá bỏ các rào cản nhập khẩu và cắt giảm hàng rào thuế quan là nhằm mục đích chấm dứt tình trạng độc quyền của các chaebol trong nền kinh tế nội địa. Các lĩnh vực khác như ngành công nghiệp ô tô đã từng đóng cửa đối với hàng nhập khẩu thì nay sẽ được trải nghiệm sự khắc nghiệt của môi trường cạnh tranh quốc tế.

Những thay đổi như vậy nhiều khả năng sẽ mang lại hiệu quả cao hơn và nhiều lựa chọn hơn cho người tiêu dùng, nhưng cũng có thể phá vỡ cơ cấu xã hội của quốc gia với sự sụp đổ của thêm nhiều chaebol và các nhà thầu phụ của họ, đồng thời chấm dứt đảm bảo có việc làm suốt đời mà hàng triệu công nhân Hàn Quốc đã được hưởng. Cốt lõi vấn đề không chỉ đơn giản là việc xóa bỏ một vài nhà tư bản lũng đoạn mà còn là cuộc sống thường nhật của công nhân và người tiêu dùng.

Thật không dễ dàng để các nhà lãnh đạo Hàn Quốc có thể từ bỏ những yếu tố cơ bản của một mô hình đã hoạt động rất thành công trong một thời gian dài. Trong nhiều tuần tiếp sau đó, Hàn Quốc dường như đã đi từ sự phản kháng đến lưỡng lự và cuối cùng là cắn răng chấp nhận. Tuy nhiên, các quan chức Hàn Quốc nhận thấy rằng quyền ép buộc cải cách của IMF sẽ không tồn tại nữa một khi IMF hoàn thành việc giải ngân các khoản vay quan trọng trong năm đầu tiên. Theo một quan chức của Bộ Tài chính, “tất cả ảnh hưởng của IMF sẽ không còn trong năm tới nếu nói về các khoản tiền. Sau đó, IMF sẽ cho vay 250 triệu USD mỗi quý. Không đáng kể!” Nói cách khác, Hàn Quốc có thể gạt IMF ra trong tương lai và tiến hành các cuộc cải cách theo ý mình.

Kết quả tức thì của gói cứu trợ của IMF không khả quan. Đồng won vẫn tiếp tục đi xuống khi các chaebol vốn đã vay bằng ngoại tệ nay cần phải bán đồng won mua ngoại tệ để trả nợ. Điều này càng kéo giá trị đồng won đi xuống và làm niềm tin vào nền kinh tế Hàn Quốc bị xói mòn hơn nữa. Tuần ngay sau khi gói cứu trợ của IMF được công bố trở thành tuần tồi tệ nhất trong lịch sử thị trường tài chính Hàn Quốc khi đồng won sụt giá thêm 27% so với đồng USD. Sự rối loạn về mặt tài chính đã làm tê liệt hàng loạt các ngân hàng và các doanh nghiệp, đẩy người tiêu dùng vào một tình trạng hoang mang. Sự thiếu hụt nghiêm trọng đồng USD đã làm cho các ngân hàng không có khả năng thanh toán các thư tín dụng – tức cam kết thanh toán cho người bán sau khi hàng được giao. Các thư tín dụng rất thiết yếu, giúp các hoạt động thương mại quốc tế được trôi chảy; không có các giao dịch tài chính này, Hàn Quốc không có khả năng thu được lợi nhuận cần thiết từ xuất khẩu để khôi phục lại nguồn cung đồng USD của họ. Việc thiếu hụt nguồn vốn trong thị trường tiền tệ Hàn Quốc đã đẩy tỷ lệ lãi suất lên tới 25%; đồng thời, chi phí vay tăng cao đã gây áp lực cho ngay cả những công ty lớn. Người tiêu dùng lo sợ và bắt đầu dự trữ những hàng hóa nhập khẩu như đường và bột mì. Những mặt hàng này đã tăng giá gấp đôi từ tháng 11. Khăn giấy và giấy

vệ sinh cũng không còn xuất hiện trên các kệ hàng khi người tiêu dùng lo sợ về sự thiếu hụt bột giấy nhập khẩu.

Tình trạng bất ổn trong dân chúng đã làm tăng áp lực lên hệ thống chính trị Hàn Quốc khi đất nước này đang chuẩn bị tiến hành bầu cử tổng thống vào ngày 18/12. Trước khi Hàn Quốc đề nghị sự giúp đỡ tài chính từ IMF vào tháng 11, thực trạng nền kinh tế không phải là một vấn đề quan trọng trong các cuộc vận động bầu cử. Tuy nhiên, trong tuần trước cuộc bầu cử, không một ứng cử viên nào có thể bỏ qua vấn đề khủng hoảng vốn đang trở thành vấn đề quan trọng nhất trong cuộc bầu cử. Cuộc khủng hoảng đã đặt các ứng cử viên vào một tình thế đặc biệt khó khăn; họ không thể phớt lờ các cử tri, những người có thể phải chịu thiệt hại nếu có một chương trình cải cách cơ cấu. Và họ cũng không thể phớt lờ IMF khi mà sự giúp đỡ tài chính của tổ chức này rất cần thiết. Mặc dù, cả ba ứng cử viên hàng đầu cho chức tổng thống đều chỉ trích chương trình của IMF ở một mức độ nhất định, nhưng họ đều buộc phải chấp nhận các điều khoản cơ bản của IMF như một điều kiện để nhận được sự chấp thuận cuối cùng đối với khoản vay ngày 3/12. Cuộc khủng hoảng cũng đặt IMF vào một tình thế khó xử. IMF tin là cần thiết phải cải cách cơ cấu nền kinh tế nhưng chính tổ chức này cũng nhận thấy rằng gây sức ép quá mạnh có nguy cơ mang đến những phản ứng cực đoan cho nền chính trị Hàn Quốc. Nó có thể làm mất ổn định hệ thống chính trị và gây nguy hiểm cho sự khôi phục nền kinh tế. Làm theo một đường lối đúng đắn là một nhiệm vụ phức tạp và là những thách thức khác nhau ở mỗi đất nước đang bị khủng hoảng.

Cuối tháng 12, tổng thống mới được bầu Kim Dae Jung phải đương đầu với một tình trạng vô cùng khó khăn. Dự trữ ngoại hối của Hàn Quốc gần như bằng không và các ngân hàng của Hàn Quốc phải gánh một khoản nợ xấu lên tới 12% GNP. Thị trường chứng khoán xuống thấp đến mức mà số cổ phiếu chi phối của hãng Hàn Quốc chỉ trị giá 165 triệu USD – bằng giá của một chiếc Boeing 747. Hệ quả là các nhà đầu tư nước ngoài mất niềm tin vào Hàn Quốc và miễn cưỡng gia hạn các khoản vay khi chúng đến hạn. IMF đã sẵn sàng thanh toán 9,1 tỷ USD trong số 21 tỷ USD đã cam kết. Nhưng như vậy vẫn chưa đủ. Sau khi làm việc xuyên suốt cả kỳ nghỉ Giáng Sinh, các quan chức IMF đã đồng ý phân bổ thêm 10 tỷ USD trong nguồn vốn đã cam kết như là một khoản vay khẩn cấp để ngăn chặn tình trạng vỡ nợ. Quan trọng hơn, Cục dự trữ Liên bang Mỹ, Ngân hàng Nhật Bản và các ngân hàng trung ương khác đã gây áp lực lên các ngân hàng thương mại hàng đầu của họ để các ngân hàng đó đồng ý gia hạn các khoản nợ ngắn hạn, nếu không sẽ phải chịu trách nhiệm cho một thảm họa toàn cầu.

4. Thử thách của IMF: Các quan điểm về cuộc khủng hoảng ở Hàn Quốc và phản ứng của IMF

Những chỉ trích chính sách của IMF

Một trong những người chỉ trích mạnh mẽ nhất chính sách của IMF ở Hàn Quốc là ông Martin Feldstein – nhà kinh tế học ở Harvard và là chủ tịch của Tổng cục nghiên cứu kinh tế quốc gia. Feldstein cho rằng IMF đã nhìn nhận sai và đưa ra cách giải quyết không phù hợp về điều kiện ở Hàn Quốc. Theo ông, nền tảng cơ bản của kinh tế Hàn Quốc tương đối vững chắc: GDP tăng đều khoảng 8%/ năm trong suốt những năm 1990, lạm phát thấp hơn 5% và tỷ lệ thất nghiệp ít hơn 3%. Hàn Quốc rơi vào khủng hoảng năm 1997 là do các ngân hàng và các chaebol phải gánh những món nợ ngắn hạn lớn hơn so với lượng ngoại tệ dự trữ của quốc gia. Tuy nhiên tổng số nợ nước ngoài chỉ chiếm 30% GDP, thấp hơn rất nhiều so với các nước đang phát triển khác. Trên quan điểm đó, Feldstein nhận thấy vấn đề của Hàn Quốc là thiếu thanh khoản tạm thời chứ không phải là tình trạng không trả được nợ. Cái mà Hàn Quốc cần không phải là cải cách cơ cấu mà là một khoản vay bắc cầu tạm thời và tái cơ cấu các khoản nợ để ngăn chặn tình trạng thất thoát ngoại tệ và giúp duy trì việc cho vay của các ngân hàng đối với nước này.

Jeffrey Sachs – một nhà kinh tế học khác ở Harvard đồng tình với Feldstein. Ông chỉ ra rằng nhà đầu tư ít lo lắng về viễn cảnh dài hạn của Hàn Quốc, mà chủ yếu lo lắng trước những gì các nhà đầu tư khác đang làm. Họ hiểu rằng Hàn Quốc sẽ buộc phải tuyên bố vỡ nợ nếu như các chủ nợ ngừng cho nước này vay tiếp. Tình trạng hoang mang khiến tất cả các nhà đầu tư đổ xô đi tìm lối thoát cùng một lúc; không ai muốn là người cuối cùng ra khỏi tòa nhà sắp sụp đổ. Giống như Feldstein, Sachs cho rằng IMF đáng lẽ ra đã phải giúp ngăn chặn sự hỗn loạn bằng cách nhóm họp các ngân hàng vào giữa năm 1997 để nhấn mạnh lợi ích chung của họ trong việc tránh gây nên sự hoảng loạn. Theo Sachs, IMF đã làm tình trạng hoảng loạn trầm trọng hơn; chương trình thất lưng buộc bụng gồm việc tăng thuế, cắt giảm ngân sách, tuyên bố cải cách cơ cấu là cần thiết khiến thị trường tin rằng kinh tế Châu Á sẽ bị thu hẹp đáng kể. Thực tế không khác gì IMF đã hô cháy trong một rạp hát đông người.

Bên cạnh các chi tiết về phản ứng chính sách của IMF, các nhà phê bình còn đưa ra lời chỉ trích rằng bản thân sự tồn tại của IMF đã tạo ra vấn đề “nguy hại đạo đức” cho cả những nước thành viên và các nhà đầu tư. Theo đó, người đi vay có thể liều lĩnh bởi họ biết là IMF sẽ giải cứu nếu như họ gặp rắc rối. Tương tự, các nhà đầu tư có thể không đánh giá cẩn thận các rủi ro và có thể cho những nước có nền kinh tế yếu kém vay bởi IMF sớm muộn cũng sẽ đến và giải cứu họ. Tóm lại, việc mong đợi IMF giúp đỡ các nền kinh tế gặp rắc rối khuyến khích việc chấp nhận rủi ro mà nếu không có IMF sẽ không xảy ra.

Bên cạnh những chỉ trích của giới học thuật, một vài công ty Mỹ đang đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các chaebol Hàn Quốc đã đặt câu hỏi về sự sáng suốt trong chính sách của IMF. Theo ông Steve Appleton – CEO của công ty sản xuất vật liệu bán dẫn Micron Technology, “ý tưởng rằng tiền thuế của chúng ta được sử dụng để trợ cấp cho các đối thủ và lấy đi công ăn việc làm của chúng ta là đại đột.” Công chúng Mỹ dường như cũng đặt câu hỏi tại sao Mỹ lại ủng hộ chính sách giải cứu của IMF. Theo tờ *Wall Street Journal*,

trong một cuộc thăm dò ý kiến của NBC tại đỉnh điểm cuộc khủng hoảng vào tháng 12, 51% người Mỹ nghĩ rằng Mỹ không nên tham gia kế hoạch giải cứu các nước châu Á của IMF, trong khi tỉ lệ ủng hộ chỉ có 34%.

Không có gì ngạc nhiên khi một trong những chỉ trích mạnh mẽ nhất lại đến từ Hàn Quốc. Một số người đổ lỗi sự “hăng hái thái quá” của IMF là do ảnh hưởng chính trị từ Washington, cho rằng IMF đã trở thành một công cụ của Mỹ – nước đóng góp lớn nhất cho IMF. Họ chỉ ra thực tế rằng một số biện pháp được áp đặt cho Hàn Quốc, như mở cửa hệ thống tài chính cho các ngân hàng nước ngoài, là ưu tiên trong chính sách ngoại giao song phương của Mỹ đối với Hàn Quốc. Tại nhiều thời điểm trong suốt quá trình đàm phán, các quan chức của IMF đã phải tham vấn với các quan chức Mỹ. Nhà đàm phán trưởng của IMF, Hubert Neiss, nhiều lần điều chỉnh lập trường của mình sau khi nói chuyện với David Lipton, một quan chức cấp cao của Bộ Tài chính Mỹ, người đã ở Seoul trong suốt cuộc đàm phán. Sau cuộc nói chuyện với các quan chức Mỹ, giám đốc điều hành IMF Michel Camdessus cũng đã trì hoãn việc ký hiệp định cho vay cho đến khi cả ba ứng cử viên trong cuộc bầu cử tổng thống Hàn Quốc chấp nhận các điều khoản của hiệp định. Những chỉ trích cụ thể về các chi tiết kỹ thuật của gói giải cứu tài chính được nêu lên bởi những người làm việc trực tiếp với IMF. Lee Jun Jae, Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính, người có vai trò quan trọng trong việc thi hành các cải cách cơ cấu, than phiền rằng chính sách thắt chặt của IMF, như nâng lãi suất, tăng thuế và giảm chi tiêu chính phủ, làm gia tăng sự thất bại của giới kinh doanh và suy giảm đầu tư nước ngoài.

IMF biện hộ cho chính sách của mình

IMF bảo vệ cho cả các kiến nghị chính sách kinh tế vĩ mô lẫn kiến nghị cải cách cơ cấu ở Hàn Quốc. Theo ông Stanley Fischer, Phó Giám đốc điều hành thứ nhất của IMF và là cựu giáo sư kinh tế tại MIT, thì ưu tiên hàng đầu của IMF là phục hồi lòng tin vào đồng won. Vào thời điểm Hàn Quốc tiếp cận IMF để yêu cầu giúp đỡ, nguồn dự trữ ngoại tệ của nước này đang ở mức rất thấp và đồng won đã mất giá khủng khiếp. Để phục hồi lòng tin vào đồng won, Seoul phải làm cho việc nắm giữ đồng won hấp dẫn hơn; điều này đòi hỏi phải tăng tỷ lệ lãi suất tạm thời, cho dù việc này gây khó khăn cho các ngân hàng lẫn các chaebol của Hàn Quốc. Với số nợ nước ngoài lớn, các chaebol phải chịu nhiều thiệt hại hơn nếu đồng won tiếp tục mất giá so với việc tăng lãi suất trong nước.

Fischer cũng bảo vệ chương trình cải cách cơ cấu được thúc đẩy bởi IMF. Ông cho rằng các thể chế tài chính yếu kém, việc quản lý các ngân hàng lỏng lẻo và một mạng lưới vô cùng phức tạp gồm những mối quan hệ thiếu minh bạch giữa chính phủ, các ngân hàng và các chaebol chính là nguyên nhân trung tâm của cuộc khủng hoảng. Các khoản vay của IMF cho Hàn Quốc sẽ không phục vụ được các mục đích lâu dài trừ khi các vấn đề này được giải quyết trước tiên. John Dodsworth của văn phòng IMF tại Hàn Quốc công nhận rằng

nguyên nhân trực tiếp của khủng hoảng tại Hàn Quốc là một cuộc khủng hoảng thanh khoản không thể kiểm soát nổi khi các nhà đầu tư mất lòng tin vào thị trường Hàn Quốc. Tuy nhiên ông cho rằng các vấn đề về mặt cơ cấu đặt nền tảng cho cuộc khủng hoảng thanh khoản. Nói cách khác, Hàn Quốc sẽ không bị ảnh hưởng nhiều như vậy bởi cuộc khủng hoảng Châu Á nếu nước này kiểm soát hệ thống tài chính tốt hơn. Tóm lại, IMF kết luận rằng cải cách cơ cấu là cần thiết để đạt được tăng trưởng bền vững dài hạn. Nếu không có cuộc cải cách như vậy, Hàn Quốc sẽ bị tổn thương bởi các cú sốc tương tự trong tương lai. Tốt nhất là giải quyết các vấn đề này ngay lập tức trước khi Hàn Quốc lại phải cầu cứu IMF.

Đây là thái độ cơ bản của IMF tại tất cả các nước bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1997, từ Indonesia tới Brazil hay Nga. IMF thúc đẩy một chương trình cải cách nhằm tăng cường giám sát các tổ chức tài chính và làm cho mối quan hệ giữa chính phủ, các ngân hàng và doanh nghiệp trở nên minh bạch hơn. IMF giải thích rằng quy mô và phạm vi của cải cách trong từng trường hợp là khác nhau. Ví dụ, việc tăng cường tính minh bạch quan trọng hơn ở Indonesia, nơi mà chủ nghĩa gia đình trị của Suharto và chủ nghĩa tư bản thân hữu là đặc điểm chính của hệ thống tài chính, so với Brazil, nơi mà cuộc khủng hoảng có nguồn gốc từ các bất cân đối trong lĩnh vực công. Các cuộc cải cách sẽ gây nên những tác động đau đớn ở những xã hội như Hàn Quốc và Indonesia khi mà các cuộc cải cách này làm suy yếu toàn bộ mô hình phát triển.

Cuối cùng IMF đã bác bỏ quan điểm cho rằng tổ chức này tạo nên vấn đề “nguy hại đạo đức”. IMF cho rằng các quỹ giải cứu không giải cứu những người vay và người cho vay vô trách nhiệm vì các quỹ này không nhằm thanh toán các khoản nợ tư ngắn hạn. Thay vào đó các quỹ giải cứu được sử dụng để tăng cường lòng tin của các tổ chức cho vay và khuyến khích họ giãn các khoản nợ ngắn hạn bằng cách tăng dự trữ ngoại hối và giúp phục hồi hệ thống ngân hàng. Mặc dù người cho vay và người vay được hưởng lợi từ việc giải quyết vấn đề suy thoái của nền kinh tế nhưng họ không được giải cứu bởi IMF. Hơn nữa, nếu các gói giải cứu của IMF giúp bảo hiểm với chi phí thấp cho các rủi ro mà các nhà chỉ trích đã đề cập thì các quốc gia đã nhanh chân hơn trong việc tìm đến IMF xin giúp đỡ. Tuy nhiên các chính phủ Hàn Quốc, Thái Lan và Indonesia chỉ tiếp cận IMF khi không còn giải pháp nào khác. IMF so sánh các quốc gia gặp khủng hoảng với những bệnh nhân cố trì hoãn việc đi đến gặp nha sĩ cho đến khi họ buộc phải nhổ răng của mình.

5. Con đường đi đến phục hồi

Vào đầu năm 1999, Hàn Quốc lần đầu tiên có được một quý tăng trưởng kể từ năm 1997. Cho tới tháng 5/1999, chỉ mười tám tháng sau khi khủng hoảng ở Hàn Quốc bắt đầu, thị trường quốc tế có vẻ lạc quan một cách thận trọng về tương lai của nền kinh tế này. Đồng won đã trở nên ổn định, tài khoản vãng lai đã có thặng dư, lạm phát đã giảm, dự trữ ngoại tệ tăng lên 56 tỉ đô la - so với 5 tỉ đô la vào lúc đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng - và nợ nước

ngoài ngân hạn giảm 50% so với đỉnh điểm của cuộc khủng hoảng, xuống còn 31 tỉ đô la. Mặc dù IMF và chính phủ Hàn Quốc vẫn giữ nguyên dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc năm 1999 là khoảng 2%, nhưng nhiều hãng môi giới Mỹ đã tăng mức dự báo: Merrill Lynch dự đoán tốc độ tăng trưởng là 4,5% trong khi Morgan Stanley dự đoán 4,9%.

Tuy nhiên các tác động của cuộc khủng hoảng vẫn chưa chấm dứt. Vào ngày 23/7, chỉ số chứng khoán của Hàn Quốc đã trải qua một ngày mất điểm nhiều chưa từng có khi tập đoàn Daewoo, tập đoàn lớn thứ hai quốc gia, thừa nhận cần có các khoản vay mới để ngăn chặn phá sản. Sau khi tăng hơn gấp đôi số nợ của mình trong suốt năm 1998, Daewoo đã nợ ước tính 55,8 tỉ đô la, nhiều hơn nợ quốc gia của Ba Lan hay Malaysia. Chỉ trong mấy ngày, chính phủ Hàn Quốc đã kêu gọi các chủ nợ trong nước của Daewoo gia hạn thanh toán khoản nợ 5,8 tỉ đô la và cung cấp thêm 3,3 tỉ đô la để ngăn chặn nguy cơ vỡ nợ đối với các khoản nợ ngắn hạn. Tuy nhiên các biện pháp trên vẫn không thể cứu được tập đoàn ôm yếu này. Tới tháng 1/2000, các chủ nợ của Daewoo đã đạt được thỏa thuận giải thể tập đoàn này và bán đấu giá các thành viên Daewoo.

Sự sụp đổ của Daewoo chỉ là một ví dụ của quá trình điều chỉnh đầy đau đớn đang đón đợi Hàn Quốc. Khi các cuộc đàm phán về tương lai của Daewoo đang diễn ra, cuối năm 1999 chính phủ của Kim Dae Jung cấm trợ cấp chéo giữa các công ty con trong cùng một chaebol. Hình thức trợ cấp chéo này liên quan tới việc các công ty mạnh vay vốn cho các công ty yếu hơn trong cùng một chaebol khi những công ty yếu này không có khả năng tự vay vốn cho riêng mình. Nếu chính phủ theo đuổi chính sách này, việc xóa bỏ hoặc ít nhất là tái cơ cấu các chaebol khác nhiều khả năng sẽ diễn ra.

Vào cuối năm 1999, người dân Hàn Quốc khá giả hơn nhiều so với lúc đầu năm. Các chỉ số kinh tế cơ bản của Hàn Quốc đã chuyển biến ấn tượng trong năm 1999. Cuối năm 1999, IMF đã thay đổi dự đoán về tốc độ tăng trưởng GDP thực tế lên 9%. Lạm phát vẫn ở mức thấp với chỉ số giá tiêu dùng tăng chưa tới 1% suốt cả năm. Do các doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng đều tin tưởng hơn vào nền kinh tế, tiêu dùng tư nhân đã tăng 10%, một tỷ lệ cao hơn những năm trước khủng hoảng. Trong khi đó, tỉ lệ thất nghiệp trung bình 6,6% trong năm 1999 và đã giảm xuống nhưng vẫn còn cao hơn nhiều so với mức trung bình 2% vào năm 1995 và 1996. Mặc dù hầu hết người dân Hàn Quốc thấy cuộc sống của họ đang được cải thiện bởi những thành tựu của công cuộc khôi phục nền kinh tế, nhưng chắc rằng những người khác sẽ bị ảnh hưởng bởi những thiệt hại bất nguồn từ việc tái cơ cấu nền kinh tế.

CÂU HỎI:

1. Hàn Quốc và “điều thần kỳ kinh tế Châu Á”

- a. Những yếu tố hệ thống giúp định hình sự phát triển của Hàn Quốc trong nửa đầu của thế kỷ 20 là gì?

- b. Park Chung Hee đóng vai trò như thế nào trong sự phát triển kinh tế của Hàn Quốc?
- c. Các chaebol là gì?
- d. Những thay đổi của nền kinh tế toàn cầu có tác động như thế nào đến Hàn Quốc trong suốt những năm 1980?
- e. Nhân công được hưởng lợi ích gì từ chiến lược phát triển của Hàn Quốc?

2. Từ điều thần kỳ đến khủng hoảng

- a. Ý nghĩa của sự sụp đổ của công ty thép Hanbo là gì?
- b. “Cho vay kết nối” nghĩa là gì?
- c. Tại sao thâm hụt tài khoản vãng lai của Hàn Quốc lại tăng trong năm 1996?
- d. Chính phủ Hàn Quốc và các nhà đầu tư có quan điểm như thế nào về những diễn biến của nền kinh tế Hàn Quốc trong năm 1996 và đầu năm 1997?
- e. “Căn bệnh truyền nhiễm Châu Á” có ngụ ý gì?
- f. Lập trường ban đầu của Hàn Quốc đối với sự trợ giúp của IMF là gì?

3. Xử lý cuộc khủng hoảng

- a. Những ai đóng góp vào gói cứu trợ do IMF làm trung gian và số tiền này được sử dụng như thế nào?
- b. Những điều kiện đi kèm với sự giúp đỡ của IMF là gì?
- c. Chương trình IMF có tác động ban đầu như thế nào?
- d. Nếu sự phục hồi kinh tế đe dọa đến nền dân chủ, cái nào cần được ưu tiên?
- e. Chính sách của IMF đã thay đổi sau mùa Giáng sinh năm 1997 như thế nào?

4. Thử thách của IMF

- a. Nhà kinh tế học MIT Paul Krugman cho rằng sự mất giá của đồng won Hàn Quốc và những đồng tiền châu Á khác không phải là kết quả của sự hoảng loạn của các nhà đầu tư không lý trí mà là kết quả của các nhà đầu tư hợp lý khi tiên lượng tác động của những chính sách không bền vững. Bạn có đồng ý với ý kiến này không? Nói cách khác, bạn có cho rằng cải cách cơ cấu là cần thiết đối với Hàn Quốc? Nếu vậy, bạn có thể đề nghị một khung thời gian thực tế cho các cải cách như thế nào?
- b. Chương trình của IMF có mang tính can thiệp quá cao không?
 - Các cải cách có can thiệp quá mức cần thiết vào thẩm quyền của một chính phủ có chủ quyền hay không?
 - Có cần phải yêu cầu những cải cách quá xa như tự do hóa các quy định về đầu tư trực tiếp nước ngoài hay không?
 - Cải cách cơ cấu có cần thiết nhằm phục hồi khả năng tiếp cận của Hàn Quốc đối với thị trường vốn nước ngoài hay không?

- Việc IMF thúc đẩy những chính sách cải cách sâu rộng như vậy có những rủi ro gì?
- c. Bạn nghĩ gì về những than phiền của Micron Technology? Nên hoặc có thể làm gì để giải quyết than phiền này?
- d. Ý kiến của công chúng Mỹ vào tháng 12/1997 là không đồng ý cho Mỹ tham gia kế hoạch của IMF cho Hàn Quốc và các quốc gia châu Á đang gặp rắc rối khác vay tiền. Theo bạn tại sao công chúng Mỹ có ý kiến như vậy? Bạn có đồng ý với quan điểm này không?
- e. Bạn có nghĩ rằng IMF tạo ra vấn đề nguy hại đạo đức hay không? Nếu không phải là nguy hại đạo đức, thì điều gì giải thích cho việc cho vay thiếu thận trọng đối với Hàn Quốc?
- f. Năm 1996, 93 tỉ đô la đã chảy vào Indonesia, Thái Lan, Malaysia và Hàn Quốc. Năm 1997, 12 tỉ đô la chảy ra. Các nhà cho vay nước ngoài phải chịu trách nhiệm đối với cuộc khủng hoảng châu Á đến mức nào?
- g. Theo bạn quá trình dân chủ hóa ở Hàn Quốc có thể ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế trong tương lai như thế nào?

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.